

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT



NHÓM 02

HẠN CHẾ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ - THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM
VÀ
KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

TIỂU LUẬN HỌC PHẦN
LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRONG
HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT



HẠN CHẾ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ - THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM
VÀ
KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

TIỂU LUẬN HỌC PHẦN
LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRONG
HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

Giảng viên: CAO TUẤN NGHĨA

DANH SÁCH SINH VIÊN NHÓM 02

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐÁNH GIÁ THAM GIA
1	Nguyễn Trần Vy Trang Đài	18DH380100	100%
2	Lê Hoàng Đức	18DH380095	100%
3	Lê Thành Đạt	18DH380448	100%

LỜI CAM ĐOAN

Chúng tôi xin cam đoan công trình của từng cá nhân trong nhóm. Các nội dung nghiên cứu trong quá trình làm bài tiểu luận đều trung thực, chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình nào. Nếu có sự gian dối trong quá trình cũng như bài tiểu luận, chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước hội đồng chấm thi.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 20..

Nhóm Sinh Viên

Nguyễn Trần Vy Trang Đài

Lê Hoàng Đức

Lê Thành Đạt

MỤC LỤC

Lời mở đầu.....	1
Câu 1: Sinh viên chọn đề tài và phân tích: “Hạn chế quyền sở hữu trí tuệ - Thực tiễn ở Việt Nam và kiến nghị hoàn thiện”	2
• I. Quyền sở hữu trí tuệ.....	2
• II. Phân loại quyền sở hữu trí tuệ.....	2
• III. Căn cứ phát sinh, xác lập bảo hộ đối với quyền sở hữu trí tuệ.....	3
• IV. Hạn chế bảo hộ đối với quyền sở hữu trí tuệ.....	4
• V. Thực trạng và kiến nghị:.....	8
Câu 2: Suru tầm 1 vụ tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và cho nhận xét của bản thân về vụ tranh chấp trên.....	11

CÂU HỎI ĐỀ

Câu 1: Sinh viên chọn đề tài và phân tích:

Hạn chế quyền sở hữu trí tuệ - Thực tiễn ở Việt Nam và kiến nghị hoàn thiện

Câu 2:

Sưu tầm 1 vụ tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và cho nhận xét của bản thân về vụ tranh chấp trên

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh thời đại kỹ thuật số 4.0, kinh tế ngày càng phát triển mạnh mẽ cùng với khoa học kỹ thuật công nghệ. Tài sản sở hữu trí tuệ nổi lên như 1 loại tài sản vô hình có giá trị cực kì cao nhưng cũng cực kì dễ bị xâm phạm trên diện rộng. Từ đó, đặt ra vấn đề bảo hộ loại tài sản đặc biệt này trong hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới mà các nước phương Tây là những nước dẫn đầu xu hướng này. Thích nghi với xu hướng của thời đại, pháp luật Việt Nam cũng ghi nhận sự bảo hộ đối với loại tài sản đặc biệt này thông qua VBHN Luật SHTT 2019. Tuy nhiên, trong qui định của pháp luật VN cũng tồn tại những hạn chế trong việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Bài tiểu luận này sẽ phân tích đánh giá, nêu ra những bất cập và kiến nghị hoàn thiện trong đó.

***Câu 1: Sinh viên chọn đề tài và phân tích: “Hạn chế quyền sở hữu trí tuệ
- Thực tiễn ở Việt Nam và kiến nghị hoàn thiện”***

I. Quyền sở hữu trí tuệ

- Góc độ pháp luật: Căn cứ Khoản 1 Điều 4 VBHN Luật SHTT 2019,
Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ.
- Góc nhìn cá nhân: Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của chủ thể tạo ra, chủ sở
hữu tài sản trí tuệ là kết quả lao động sáng tạo của con người trong nhiều
lĩnh vực khác nhau thể hiện dưới dạng thông tin và có giá trị về vật chất
lẫn tinh thần.

II. Phân loại quyền sở hữu trí tuệ

- Căn cứ Khoản 1 Điều 4 VBHN Luật SHTT 2019, quyền sở hữu trí tuệ
bao gồm:
 - Quyền quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả:
 - Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do
mình sáng tạo ra hoặc sở hữu theo Khoản 2 Điều 4 VBHN Luật
SHTT 2019. Bao gồm quyền nhân thân được quy định ở Điều 19
VBHN Luật SHTT 2019 và quyền tài sản được quy định ở Điều 20
VBHN Luật SHTT 2019.
 - Quyền liên quan là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu
diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh
mang chương trình được mã hóa theo Khoản 3 Điều 4 VBHN Luật
SHTT 2019. Bao gồm quyền nhân thân đối với người biểu diễn
cuộc biểu diễn, nhà sản xuất ghi âm, ghi hình và quyền tài sản.
 - Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế,
kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu,
tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra

hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh theo Khoản 4 Điều 4 VBHN Luật SHTT 2019. Vì ở quyền sở hữu công nghiệp, các chủ thể hầu như chỉ quan tâm đến yếu tố thương mại cho nên không đặt ra vấn đề về quyền nhân thân mà chỉ trọng tâm về quyền tài sản.

- Quyền đối với giống cây trồng là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu theo Khoản 5 Điều 4 Điều 4 VBHN Luật SHTT 2019. Bao gồm quyền nhân thân được quy định ở Điều 185 VBHN Luật SHTT 2019 và quyền tài sản được quy định ở Điều 186 VBHN Luật SHTT 2019.

III. Căn cứ phát sinh, xác lập bảo hộ đối với quyền sở hữu trí tuệ

- Căn cứ Điều 6 VBHN Luật SHTT 2019, quyền tác giả, quyền liên quan và quyền sở hữu công nghiệp phát sinh, xác lập như sau:
 - Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký. => Bảo hộ hình thức thể hiện của tác phẩm, bảo hộ theo cơ chế tự động khi tác phẩm ra đời.
 - Quyền liên quan phát sinh kể từ khi cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa được định hình hoặc thực hiện mà không gây phương hại đến quyền tác giả. => Bảo hộ tự động khi đối tượng bảo hộ được định hình hoặc thực hiện.
 - Quyền sở hữu công nghiệp được xác lập như sau:
 - a) Quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại

Luật này hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu nổi tiếng được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký.

Quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật này hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp tên thương mại đó;

c) Quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh được xác lập trên cơ sở có được một cách hợp pháp bí mật kinh doanh và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó;

d) Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh được xác lập trên cơ sở hoạt động cạnh tranh trong kinh doanh.

- Quyền đối với giống cây trồng được xác lập trên cơ sở quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật này.

⇒ *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có các căn cứ xác lập tự động, theo cơ sở sử dụng, theo văn bằng bảo hộ, theo cơ sở có được một cách hợp pháp và thực hiện việc bảo mật, theo hoạt động cạnh tranh theo từng loại quyền sở hữu trí tuệ và đối tượng bảo hộ theo Luật định.*

IV. Hạn chế bảo hộ đối với quyền sở hữu trí tuệ

- Các hạn chế bảo hộ được đặt ra để đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ và công chúng. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản mang tính lịch sử, được thể hiện xuyên suốt trong quá trình bảo hộ sở hữu trí tuệ từ xác lập, duy trì đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Như chúng ta đã biết, khi sáng tạo ra 1 sản phẩm trí tuệ, chủ

thể sáng tạo (chủ sở hữu của quyền sở hữu trí tuệ) mong muốn nhận được những lợi ích xứng đáng với công sức, thành quả lao động trí tuệ của mình => Đây là động lực cơ bản thúc đẩy chủ sở hữu của quyền sở hữu thực hiện quá trình lao động trí tuệ để tạo ra các sản phẩm trí tuệ. Bên cạnh đó, cũng có những lợi ích nhất định mà cộng đồng mong muốn có được từ sản phẩm trí tuệ. VD: Tiếp cận 1 bài thơ (sản phẩm trí tuệ) hay, có giá trị học thuật, nghiên cứu cao là 1 nhu cầu của cộng đồng. Tuy nhiên, chủ sở hữu của quyền sở hữu trí tuệ lúc này lại không muốn công khai sản phẩm trí tuệ của mình, họ chỉ muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân và việc công khai sản phẩm trí tuệ do họ sáng tạo là quyền cũng như lợi ích của họ. Như đã phân tích ở trên, đôi khi lợi ích giữa chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ và lợi ích cộng đồng mâu thuẫn với nhau. Từ đó mới dẫn tới sự ra đời của học thuyết cân bằng lợi ích. Bản chất của học thuyết cân bằng lợi ích là sự dung hòa quyền lợi giữa các bên nhằm tạo ra điều kiện tồn tại và phát triển bền vững cho cả 2 bên, tuy nhiên mỗi bên sẽ phải hy sinh 1 phần quyền lợi của mình để hướng tới lợi ích chung.

□ *Hạn chế bảo hộ đối với từng loại quyền sở hữu trí tuệ*

- *Đối với quyền tác giả*

- Thời hạn bảo hộ qui định ở Khoản 2 Điều 27 VBHN Luật SHTT 2019, quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm tại Khoản 3 Điều 19 VBHN Luật SHTT 2019 được hướng dẫn thi hành tại Khoản 2 Điều 22 NĐ100/2006/NĐ-CP là tạo ra 1 số lượng bản sao đủ đáp ứng nhu cầu của công chúng và quyền tài sản ở Điều 20 VBHN Luật SHTT 2019, đây là những quyền và lợi ích cần cân bằng giữa chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ và công chúng như đã phân tích ở trên. Thời hạn lần lượt như sau:

- ❖ Tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là bảy mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên; đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng

chưa được công bố trong thời hạn hai mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình thì thời hạn bảo hộ là một trăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình.

- ❖ Tác phẩm không thuộc loại hình trên và tác phẩm khuyết danh khi có thông tin về tác giả xuất hiện có thời hạn bảo hộ là suốt cuộc đời tác giả và năm mươi năm tiếp theo năm tác giả chết; trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ năm mươi sau năm đồng tác giả cuối cùng chết.
- Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao theo Điều 25 VBHN Luật SHTT 2019 => Các trường hợp này không vì mục đích thương mại và đáp ứng nhu cầu giảng dạy nghiên cứu của cá nhân, mục đích nhân đạo, cộng đồng => Thể hiện rõ ràng nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ và công chúng.
- Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao theo Điều 26 VBHN Luật SHTT 2019 => Các trường hợp này vì mục đích thương mại do tác phẩm đã công bố nên không phải xin phép nhưng vẫn phải trả tiền thù lao và không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.
- *Đối với quyền liên quan*
 - Thời hạn bảo hộ qui định ở Điều 34 VBHN Luật SHTT 2019 thể hiện nguyên tắc cân bằng lợi ích:
- ❖ Quyền của người biểu diễn được bảo hộ năm mươi năm tính từ năm tiếp theo năm cuộc biểu diễn được định hình.
- ❖ Quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình được bảo hộ năm mươi năm tính từ năm tiếp theo năm công bố hoặc năm mươi năm kể từ năm tiếp

theo năm bản ghi âm, ghi hình được định hình nếu bản ghi âm, ghi hình chưa được công bố.

❖ Quyền của tổ chức phát sóng được bảo hộ năm mươi năm tính từ năm tiếp theo năm chương trình phát sóng được thực hiện.

- Các trường hợp sử dụng quyền liên quan không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao tại Điều 32 VBHN Luật SHTT 2019 => Các trường hợp này không vì mục đích thương mại và đáp ứng nhu cầu giảng dạy, cung cấp thông tin. Duy có trường hợp đặc biệt ở Điểm d tuy vì mục đích thương mại nhưng đã được hưởng quyền phát sóng (đã trả tiền).
- Các trường hợp sử dụng quyền liên quan không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao tại Điều 33 VBHN Luật SHTT 2019 => Các trường hợp này dù sử dụng bản ghi âm, ghi hình trực tiếp hay gián tiếp nhưng vì mục đích thương mại thì phải trả tiền và không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và không gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

- *Đối với quyền sở hữu công nghiệp*

- Các yếu tố hạn chế quy định ở Điều 132 VBHN Luật SHTT 2019:

❖ Quyền của người sử dụng trước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp;

❖ Các nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm:

a) Trả thù lao cho tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;

b) Sử dụng sáng chế, nhãn hiệu.

❖ Hộ Chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Quyền sử dụng sáng chế nhân danh Nhà nước qui định ở Điều 133 VBHN Luật SHTT 2019 => Cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và lợi ích xã hội, đất nước.
- Quyền sử dụng trước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp qui định ở Điều 134 VBHN Luật SHTT 2019 => Cân bằng lợi ích 2 bên trong trường hợp qui định ở điều này.
- Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí qui định ở Điều 135 VBHN Luật SHTT 2019 => Nghĩa vụ trả thù lao theo lợi nhuận trong suốt thời gian bảo hộ cho tác giả => Cân bằng lợi ích giữa tác giả và chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp.
- Nghĩa vụ sử dụng sáng chế, nhãn hiệu qui định ở Điều 136 VBHN Luật SHTT 2019 => Cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và lợi ích xã hội, đất nước.
- Nghĩa vụ cho phép sử dụng sáng chế cơ bản nhằm sử dụng sáng chế phụ thuộc => Cân lợi ích giữa chủ sở hữu sáng chế cơ bản và sáng chế phụ thuộc.
- *Đối với quyền đối với giống cây trồng*
 - Theo qui định ở Điều 190 VBHN Luật SHTT 2019 => Những trường hợp sử dụng vì nhu cầu cá nhân, phi thương mại, mục đích khoa học sáng tạo, hộ sản xuất cá thể vì mục đích gieo trồng trên đất của mình => Nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa chủ Bằng bảo hộ và công chúng.
 - Nộp lệ phí duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng qui định tại Điểm b Khoản 1 Điều 191 VBHN Luật SHTT 2019 => Phải nộp lệ phí mới duy trì sự bảo hộ => 1 phương pháp hạn chế đăng kí Bằng bảo hộ vô tội vạ.

V. Thực trạng và kiến nghị:

1/ Thực trạng:

Thế giới ngày càng phát triển, đồng nghĩa với việc con người dần cải thiện về tư duy, sáng tạo, góp phần phát triển nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, “chất xám” chưa thực sự được bảo vệ ở một số trường hợp. Cách đây hơn 10 năm về trước, chúng ta ít nghe đến quyền sở hữu trí tuệ hay các văn bản pháp luật liên quan, bởi vì khi ấy là công nghệ chưa phát triển vượt bậc như bây giờ, chỉ có các nhà khoa học hay các nhà nghiên cứu mới biết đến sở hữu trí tuệ. Thế nhưng ngày nay, khi đã nhận thức được trí tuệ, công sức của bản thân để tạo ra các sản phẩm thì thế giới đã quan tâm hơn đến việc bảo vệ lợi ích đó. Nhưng bất cứ giá trị, lợi ích nào đều có hạn chế của chúng và ảnh hưởng ít nhiều đến quyền lợi của tác giả tạo ra sản phẩm.

Việt Nam có thể không đi đầu về công nghệ nhưng các tác phẩm về văn học, sử sách, kĩ thuật hay các mặt hàng tiêu dùng là vô số kể. Nhưng việc bảo hộ quyền lợi cho các tác giả, chủ sở hữu tác phẩm còn nhiều mặt hạn chế. Thời đại 4.0 đi cùng với phát triển mạng internet thì việc sao chép “chất xám” diễn ra ngày càng nhiều. Chỉ cần thao vài thao tác đơn giản thì đã có thể sao chép tác phẩm của người khác rồi đăng tải lên mạng. Một số người cho nó là bình thường vì chỉ là một bài văn hay không các bức hình thì có ảnh hưởng gì đến tác giả gốc? Nhưng xét theo góc độ tác giả thì đó là hành vi xâm phạm, không tôn trọng đến công sức mà họ bỏ ra. Tác giả bỏ ra hàng ngày, hàng giờ hay các khoản chi để tạo ra một tác phẩm đẹp nhưng đổi lại đó họ không được công chúng công nhận vì trước đó tác phẩm của mình đã bị người khác lan truyền. Thực trạng diễn ra ngày càng nhiều ở dưới trẻ, nhất là ở môi trường mạng xã hội như Tiktok, Facebook.... một số cá nhân đã mạo danh danh tính của các nhân vật nổi tiếng rồi đăng tải lại các video của họ, khiến nhiều người lầm tưởng rằng video đó do chính tác giả đăng. Mặc dù đó chỉ là một sân chơi nhưng các video do chính tác giả suy nghĩ nội dung lại có thể kiếm tiền và đó là công việc mưu sinh của họ. Vô hình chung việc làm của kẻ mạo danh lại khiến công việc của tác giả gặp bất lợi và khiến họ chán nản không muốn tạo ra sản phẩm mới. Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam vẫn còn khá lỏng lẻo trong cách xử lý các vấn đề trên, tùy các nhà mạng có công cụ bảo vệ tác giả tránh giả mạo nhưng vẫn cần có “bàn tay” của các nhà chức trách xử lý

BÀI TIỂU LUẬN LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

Nhóm 02

nghiêm để làm gương cho những ai đã và đang có ý định bóc lột “chất xám” của người khác.

Về quyền sở hữu trí tuệ đối với các mặt hàng tiêu dùng, do nhu cầu cung cầu của con người ngày càng lớn nên thị trường có vô số các loại hàng hóa nhưng có ai biết rằng cung - cầu tăng là lợi thế cho các sản phẩm nhái, các mặt hàng trôi nổi phát triển hơn. Cùng một loại sản phẩm, cùng công dụng nhưng giá thành của các sản phẩm chính hãng lại tiêu thụ chậm và ít được khách hàng tiếp cận do giá thành của các sản phẩm nhái lại rẻ hơn các sản phẩm chính hãng. Mà khách hàng lại thích các sản phẩm với giá thành rẻ vì thế nên các sản phẩm gốc không được ưa chuộng. Giá sản phẩm gốc thường có chi phí cao bởi vì họ phải chi trả cho công sức và thời gian mà họ đã bỏ ra để tạo nên sản phẩm. Còn giá sản phẩm nhái thường thấp vì người chế tạo lại nó không phải tốn sức suy nghĩ chỉ cần nhái lại mặt hàng gốc với các nguyên liệu thấp hơn rồi tung ra thị trường Với tiêu chí tốt - rẻ. Tuy nhiên, việc xử lý các vi phạm này chưa triệt để, nhất là trong biện pháp chế tài chưa thực sự khắc khe.

2/ Nguyên nhân:

- Xuất phát từ lợi ích và tham muốn cá nhân, con người sẵn sàng có những hành vi xâm phạm, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ mà không màng tới hậu quả về sau.
- Thị trường cạnh tranh mạnh mẽ, xuất hiện nhiều sản phẩm được khách hàng ưa chuộng khiến nhiều người nảy sinh ý định nhái lại thương hiệu sản phẩm để kéo khách về phía mình bằng cách tung ra thị trường với giá rẻ hơn.
- Quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ Việt Nam còn lỏng lẻo, làm nhiều người thờ ơ, chủ quan, không sợ các biện pháp chế tài mà luật đưa ra.
- Còn nhiều nguyên nhân chủ quan khác làm tiền đề thúc đẩy cho việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mà ta cho rằng nó chẳng ảnh hưởng nhưng về lâu về dài sẽ gây tác hại lớn.
- Thủ tục khởi tố đối với việc bị xâm phạm quyền sở hữu còn khá rườm rà khiến người bị xâm hại khá e dè khi có quyết định khởi kiện.

3/ Kiến nghị:

- Luật an ninh mạng Việt Nam cần phối hợp chặt chẽ với Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam nói riêng và nước ngoài nói chung nghiêm khắc hơn trong việc quản lý các nội dung được truyền tải trên mạng, tránh trường hợp các tác phẩm gốc bị xâm hại.
- Có biện pháp răn đe chặt chẽ, nếu xét thấy hành vi vi phạm nghiêm trọng, gây tổn thất lớn cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm thì nên khởi tố để đòi lại công bằng cho tác giả.
- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc khởi kiện đòi lại quyền lợi cho tác giả.
- Cơ quan quản lý cần tích cực ngoại giao với các nước khác, trao đổi kiến thức về quyền sở hữu trí tuệ từ đó rút ra được kinh nghiệm để hoàn thiện hơn các quyền và lợi ích về sở hữu trí tuệ ở nước ta.

Câu 2: Suu tầm 1 vụ tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và cho nhận xét của bản thân về vụ tranh chấp trên

**TÓM TẮT BẢN ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI - BẢN
ÁN 18/2016/KDTM-ST NGÀY 12/05/2016 VỀ TRANH CHẤP QUYỀN SỞ
HỮU CÔNG NGHIỆP**

Ông Vũ Tuấn A đại diện trình bày:

Ngày 2/12/2004 Công ty CP H (Công ty CP H) nộp đơn tới Cục sở hữu trí tuệ để đăng ký nhãn hiệu hàng hoá đối với nhãn hiệu “ F”.

Ngày 06/07/2006 Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 6/QĐ-SHTT cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 7 có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn.

Qua tìm hiểu thông tin, Công ty CP H được biết Công ty TNHH M (Công ty M) đã sử dụng nhãn hiệu “F” trong nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch mà Công ty CP H đã đăng ký quyền sở hữu công nghiệp và được pháp luật bảo hộ.

BÀI TIỂU LUẬN LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

Nhóm 02

Cuối năm 2014 đầu năm 2015 Công ty CP H đã nhiều lần gửi công văn tới Công ty M yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm và hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhưng Công ty M không có ý kiến phản hồi và từ chối nhận. Công văn cuối cùng gửi ngày 2/4/2015 đã được Công ty M nhận ngày 3/4/2015.

Ngày 7/7/2015 Công ty CP H có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty M:

- Buộc chấm dứt sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm/dịch vụ: Dịch vụ du lịch.
- Buộc xin lỗi và cải chính công khai về việc sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm/dịch vụ: Dịch vụ du lịch.
- Buộc tiêu hủy card visite, tờ quảng cáo, bản đồ du lịch, tháo bỏ biển hiệu có sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm/dịch vụ: Dịch vụ du lịch.

Ngày 15/12/2015 Công ty CP H trình bày:

Phải đăng lời xin lỗi, cải chính trên báo của cơ quan trung ương là Báo Nhân dân và báo địa phương là báo Hà Nội Mới nơi có địa chỉ chính của Công ty CP H trong ba số liên tiếp và gửi cho Công ty CP H các số báo đã đăng và phải chịu chi phí đăng báo. Công ty M phải thực hiện thay đổi tên công ty viết bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài, tên viết tắt không xâm phạm nhãn hiệu. Toà án định số tiền bồi thường thiệt hại vật chất mà Công ty M phải thanh toán cho Công ty CP H theo qui định của Luật. Công ty M thanh toán thù lao luật sư của Công ty CP H số tiền là 10 triệu đồng

Ông Nguyễn Khắc H giám đốc Công ty TNHH M trình bày:

từ năm 2008 công ty sử dụng tên F Travel để xây dựng thương hiệu riêng đã được đông đảo các đối tác và khách hàng biết đến. Từ đó đến nay không hề có tranh chấp tên thương mại này với bất kỳ bên nào. Đến tháng 3/2015 công ty chính thức làm thủ tục đổi tên thành Công ty TNHH M và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký mới ngày 17/03/2015. Hiện công ty đang làm thủ tục để xin đăng ký quyền sở hữu tên thương mại F Travel với Cục Sở hữu trí tuệ.

Công ty chỉ nhận được duy nhất công văn ngày 1/4/2015 có ghi gửi Công ty TNHH M, nhưng lúc đó công ty đã đổi tên

Tại phiên toà:

Công ty trình bày xin rút lại các ý kiến nêu trong đơn ngày 15/12/2015 về việc Công ty M phải thay đổi tên, bồi thường thiệt hại vật chất và thanh toán thù lao luật sư với lý do việc chứng minh thiệt hại vật chất cần phải có thời gian thu thập, khi nào có đủ điều kiện sẽ khởi kiện sau.

Nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng:

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận thấy vụ án không do toà án tiến hành thu thập chứng cứ và không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên toà theo qui định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án giải quyết theo thẩm quyền.

Quyết định mở phiên toà đã được tổng đạt hợp lệ đến công ty M nhưng ông H giám đốc công ty vắng mặt lần thứ ba không lý do. Căn cứ các Điều 199, 202 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

Về nội dung:

Công ty CP H khởi kiện và xuất trình các chứng cứ chứng minh Công ty TNHH M đã sử dụng nhãn hiệu “F” trong nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch mà Công ty CP H đã đăng ký quyền sở hữu công nghiệp và được pháp luật bảo hộ

Công ty CP H cho rằng đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp nhưng Công ty TNHH M không có phản hồi và không chấm dứt hành vi vi phạm.

Tại phiên toà, Công ty CP H trình bày rút lại các ý kiến nêu trong đơn ngày 15/12/2015 về việc Công ty TNHH M phải thay đổi tên, bồi thường thiệt hại vật chất và thanh toán thù lao luật sư.

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện Công ty CP H đã đăng ký quyền sở hữu công nghiệp và được pháp luật bảo hộ nhãn hiệu “F” đối với các nhóm danh mục sản phẩm/ dịch vụ, trong đó có nhóm Dịch vụ du lịch được qui định tại Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hành hoá số 7 thì Công ty CP H là chủ thể đang trong thời hạn được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu “F” với nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch.

BÀI TIỂU LUẬN LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

Nhóm 02

Ông Nguyễn Khắc H giám đốc Công ty TNHH M không có ý kiến phản bác đối với các chứng cứ mà Công ty CP H đưa ra. Ông H khai từ năm 2008 công ty đã sử dụng tên F Travel để xây dựng thương hiệu riêng, đến nay không có tranh chấp về tên thương mại này. Đến tháng 3/2015 công ty làm thủ tục đổi tên thành Công ty TNHH M đã được cấp đăng ký mới ngày 17/03/2015

Tuy nhiên, tại phiên toà đại diện nguyên đơn cho rằng thực tế giám đốc hai bên đã nhiều lần gặp nhau nhưng Công ty TNHH M vẫn vi phạm. Ông H cho rằng hiện đang làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu tên thương mại F Travel nhưng đến hiện tại thì Công ty TNHH M không có tài liệu chứng cứ gì về việc đã được pháp luật bảo hộ cho sản phẩm có dấu hiệu “F”. Các chứng cứ Công ty CP H nêu trên thể hiện Công ty TNHH M hiện vẫn đang sử dụng dấu hiệu “F” trên các phương tiện trong quá trình kinh doanh.

Theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 129 Luật sở hữu trí tuệ; Điều 5, Điều 11 Nghị định 105/2006/NĐ-CP thì việc Công ty M trong quá trình hoạt động kinh doanh có sử dụng dấu hiệu F mà Công ty H là chủ thể đang trong thời hạn được pháp luật bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cùng kênh tiêu thụ dịch vụ du lịch, có dấu hiệu tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu “F” mà Công ty CP H đang được bảo hộ.

Như vậy các chứng cứ chứng minh bị đơn có hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu “F” mà nguyên đơn được bảo hộ theo qui định của Luật sở hữu trí tuệ là có căn cứ.

Từ phân tích trên, các nội dung khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ được chấp nhận là:

Chấm dứt hành vi sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm: Dịch vụ du lịch. Buộc tiêu hủy card visite, tờ quảng cáo, bản đồ du lịch, tháo bỏ biển hiệu có sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm: Dịch vụ du lịch. Chấm dứt sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch trong tên trang web www.Ftravel.com.vn và trong trang web này.

BÀI TIỂU LUẬN LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

Nhóm 02

Buộc đăng lời xin lỗi và cải chính công khai về việc sử dụng nhãn hiệu F của Công ty CP H trong nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch trên báo Nhân dân và Hà Nội Mới trong 3 số liên tiếp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Quyết định của Tòa án

1. Chấp nhận khởi kiện của Công ty H đối với Công ty M

Công ty M phải chấm dứt các hành vi sử dụng nhãn hiệu “ F” trong nhóm sản phẩm: Dịch vụ du lịch.

2. Buộc Công ty M phải thực hiện các hành vi sau:

- Tiêu hủy card visite, tờ quảng cáo, bản đồ du lịch, tháo bỏ biển hiệu có sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm: Dịch vụ du lịch.

- Chấm dứt sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm: Dịch vụ du lịch trong tên trang web www.Ftravel.com.vn và trong trang web này.

- Đăng lời xin lỗi và cải chính công khai đối với Công ty cổ phần H về việc sử dụng nhãn hiệu “F” của Công ty cổ phần H trong nhóm sản phẩm: Dịch vụ du lịch trên báo Nhân dân và báo Hà Nội Mới trong 3 số liên tiếp.

- Công ty M chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

BÌNH LUẬN VẤN ĐỀ PHÁP LÝ CỦA BẢN ÁN

Vì công ty M đã có hành vi sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm: Dịch vụ du lịch như card visite, tờ quảng cáo, bản đồ du lịch, sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch trong trang web www.Ftravel.com.vn mà công ty CP H đã đăng ký quyền sở hữu công nghiệp và được pháp luật bảo hộ nhãn hiệu “F” đối với các nhóm danh mục sản phẩm/ dịch vụ, trong đó có nhóm Dịch vụ du lịch được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hành hoá số 7 ngày 6/7/2006 của Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và công nghệ. Vì vậy nên công ty M đã vi phạm vào khoản c điều 129 Luật sở hữu trí tuệ về việc sử dụng dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ cho cùng ngành nghề là dịch vụ du lịch.

BÀI TIỂU LUẬN LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

Nhóm 02

Và vì công ty M đã có hành vi sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm: Dịch vụ du lịch như card visite, tờ quảng cáo, bản đồ du lịch, sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch trong trang web www.Ftravel.com.vn như đã phân tích ở trên dẫn tới công ty M đã vi phạm vào khoản c điều 129 , căn cứ theo điều 5 Nghị định 105/2006/NĐ-CP thì có thể xác định được công ty M đã có hành vi xâm phạm đối với nhãn hiệu F của công ty H thông qua việc sử dụng nhãn hiệu F.

Hành vi của công ty M có yếu tố xâm phạm quyền của công ty H đối với nhãn hiệu F theo điều 11 Nghị định 105/2006/NĐ-CP như sau :

- Công ty CP H đã đăng ký quyền sở hữu công nghiệp và được pháp luật bảo hộ nhãn hiệu “F” đối với các nhóm danh mục sản phẩm/ dịch vụ, trong đó có nhóm Dịch vụ du lịch được qui định tại Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hành hoá số 7
- Nhưng công ty M đã có hành vi sử dụng nhãn hiệu F gây nhầm lẫn tại card visite, tờ quảng cáo, bản đồ du lịch, sử dụng nhãn hiệu F trong nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch trong trang web www.Ftravel.com.vn với nhãn hiệu F mà công ty H là chủ thể có quyền đối với nhãn hiệu F

=> Việc áp dụng điểm c khoản 1 điều 129 văn bản hợp nhất luật sở hữu trí tuệ 2019 , điều 5 , điều 11 Nghị định 105/2006/NĐ-CP để xử lý hành vi có các yếu tố xâm phạm của công ty H như đã phân tích ở trên là hoàn toàn hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Văn bản hợp nhất 07/VBHN-VPQH 2019 Luật Sở hữu trí tuệ 2019
- Nghị định 105/2006/NĐ-CP
- <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-182016kdtmst-ngay-12052016-ve-tranh-chap-quyen-so-huu-cong-nghiep-1354>
- <https://thanhtra.most.gov.vn>
- <https://accgroup.vn>